

Số: 244/2020/DS-PT

Ngày 25 - 8 - 2020

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2020/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2020/QĐPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 175/1, ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số nhà 305/68, ấp Q, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 186/4, ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 186/4, ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Lý Thị M1, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Số 76/2, ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Đặng Thị N là ông Đinh Văn N trình bày:

Vào ngày 16/10/2018 (âm lịch) tức 22/11/2018 (dương lịch) bà N giao 30.000.000 (Ba chục triệu) đồng cho bà Lý Thị M1 để bà M1 giao tiền lại cho bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn N nhờ cháu của ông N làm hồ sơ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N trọn gói với số tiền là 30.000.000 (Ba chục triệu) đồng, thời hạn thỏa thuận trong 01 tháng sẽ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đến nay hơn 01 năm mà chưa làm xong, vì thời gian quá lâu nên bà N có đến nhà yêu cầu bà M và ông N trả lại số tiền 30.000.000 đồng, nhưng vợ chồng bà M và ông N không chịu trả. Bà N làm đơn yêu cầu gửi đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ giải quyết nhưng hòa giải không thành.

Bà không biết bà Hồ Thị Thanh T và cũng không có yêu cầu bà M, ông N chuyển tiền 30.000.000 đồng cho bà T nên bà không yêu cầu Tòa án triệu tập bà T tham gia tố tụng trong vụ án này.

Bà N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn N có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà N số tiền 30.000.000 đồng, bà N tự nguyện rút yêu cầu trả lãi theo đơn khởi kiện và không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 23/12/2019 đến ngày xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N trình bày:

Vợ chồng ông N và bà M có giới thiệu cháu ông N tên là Hồ Thị Thanh T để nhận làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà Đặng Thị N nên vào ngày 16/10/2018 (âm lịch) tức 22/11/2018 (dương lịch) bà N có giao số tiền 30.000.000 (Ba chục triệu) đồng nhờ bà Lý Thị M1 giao tiền lại cho bà M và bà M đã nhận số tiền này từ bà M1. Cùng ngày 22/11/2018 con ông N và bà M là Lê Nguyễn Minh Toàn đến Trung tâm Viettel để chuyển tiền cho Hồ Thị Thanh T và Hồ Thị Thanh T đã nhận số tiền 29.000.000 và nộp phí giao dịch 75.000 đồng (có phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển – nạp tiền ngày 22/11/2018).

Ông N và bà M thừa nhận có nhận số tiền 30.000.000 đồng của bà N (do bà M1 giao) và ông bà đã giao cho bà Hồ Thị Thanh T (không rõ năm sinh địa chỉ/nơi cư trú của bà T), khi giao tiền cho bà T không có thông qua ý kiến của bà N, nhưng do

bà T đã nhận tiền rồi vì vậy nên nay ông N và bà M không đồng ý trả lại số tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà N.

Do ông N, bà M không rõ năm sinh địa chỉ/nơi cư trú của bà Thanh T nên ông bà không yêu cầu Tòa án triệu tập bà Thanh T tham gia tố tụng trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị M1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng trong quá trình tố tụng bà M1 đã trình bày:

Bà M1 thừa nhận vào ngày 22/11/2018 Bà Đặng Thị N có đến nhờ bà M1 giao số tiền 30.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị M và bà M1 đã giao đủ số tiền cho bà M (có làm biên nhận) và bà M cũng đã thừa nhận có nhận số tiền 30.000.000 đồng do bà M1 đã giao. Còn về việc các bên thỏa thuận làm hợp đồng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nhau như thế nào thì bà M1 không biết. Do không có liên quan gì đến quyền lợi nên bà M1 có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án sơ thẩm số 90/2020/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Đặng Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn N phải có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Đặng Thị N số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Bà N không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/6/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà yêu cầu Tòa án phúc thẩm mời bà Hồ Thị Thanh T rúc, Bà Đặng Thị N và bà Lý Thị M1 cùng đối chất để làm rõ nội dung sự việc, việc bà N và bà T có thỏa thuận như thế nào bà không biết, nhưng bà N chỉ nhờ bà chuyển tiền cho bà T, ngoài ra bà không biết gì thêm.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

Bị đơn bà Nguyễn Thị M giao nộp cho Tòa án sơ thẩm phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển - nạp tiền ngày 22/11/2019 của Trung tâm Viettel huyện P của người gửi Lê Nguyễn Minh Toàn (con bà M, ông N) cho người nhận là Hồ Thị Thanh T số tiền 29.000.000 đồng, nhưng cấp sơ thẩm không đưa anh Lê Nguyễn Minh Toàn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ số tiền anh Toàn chuyển cho bà T. Đồng thời, Tòa án sơ thẩm không thu thập thông tin của bà Hồ Thị Thanh T để xác định bà T có nhận tiền hay chưa và đưa bà T vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 BLTTDS năm 2015, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2020/DSST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của TAND huyện P, giao hồ sơ về TAND huyện P giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả các bên đương sự tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung:

Vào ngày 16/10/2018 âm lịch (tức 22/11/2018 dương lịch), Bà Đặng Thị N giao 30.000.000 (Ba chục triệu) đồng cho bà Lý Thị M1 để nhờ bà M1 giao tiền lại cho bà Nguyễn Thị M để ông Lê Văn N nhờ cháu của ông N là Hồ Thị Thanh T làm hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N trọn gói là 30.000.000 (Ba chục triệu) đồng, thời hạn thỏa thuận trong 01 tháng sẽ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N. Việc giao tiền có lập tờ biên nhận ngày 16/10/2018, có chữ ký của bà N, bà M1 và bà M.

Sau đó, bà M, ông N đã giao 30.000.000 đồng cho con ông bà là Lê Nguyễn Minh Toàn đến Trung tâm Viettel để chuyển tiền cho Hồ Thị Thanh T rúc, theo phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển - nạp tiền ngày 22/11/2018 (do ông N, bà M cung cấp) số tiền là 29.000.000 đồng và sau khi nhận tiền thì bà T không liên lạc đến bà M và ông N.

Nay bà N yêu cầu bà M, ông N trả lại cho bà số tiền 30.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi, vì bà cho rằng bà không biết bà T và bà chỉ giao tiền cho bà M1 để bà M1 giao cho bà M.

[2] Theo tờ biên nhận ngày 16/10/2018, bản chính do nguyên đơn cung cấp (BL23) có nội dung: “Tôi có đưa cho Muối số tiền là 30.000.000 đồng cho Muối, Muối đưa cho chị Bải Ngon là 30.000.000 đồng được chị đưa cho cháu chỉ là Trúc”. Bà M cho rằng, tờ biên nhận trên là do bà N lập sẵn và kêu bà M1 và bà M ký tên, bà xác nhận chữ ký trên tờ biên nhận là của bà. Theo Phiếu yêu cầu dịch vụ chuyển

- nạp tiền ngày 22/11/2018 tại Trung tâm Viettel huyện P (bản phô tô do bị đơn cung cấp) có nội dung: Người gửi Lê Nguyễn Minh Toàn (con bà M, ông N) cho người nhận Hồ Thị Thanh T số tiền 29.000.000 đồng.

Theo nội dung tờ biên nhận thì bà M1, bà M, ông N đều là trung gian để thực hiện việc chuyển 30.000.000 đồng từ bà N cho bà T để thực hiện việc làm trọn gói hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N. Bà M nhờ con của bà là anh Toàn chuyển tiền cho bà T thể hiện bằng phiếu giao dịch tại Trung tâm Viettel huyện P (BL31). Như vậy, trách nhiệm trung gian chuyển tiền của bà M1 đối với bà N, của bà M đối với bà T đúng theo tờ biên nhận ngày 16/10/2018.

[3] Tuy nhiên, vai trò trung gian chuyển tiền cho bà N và bà T còn có con của vợ chồng bà M là anh Lê Nguyễn Minh Toàn. Trên đường đi chuyển tiền thì anh Toàn vi phạm giao thông nên bị xử phạt 1.000.000 đồng, anh Toàn dùng số tiền 1.000.000 đồng trong số tiền 30.000.000 đồng bà M giao để đóng phạt, nên trong phiếu chuyển tiền cho bà T chỉ có 29.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Lê Nguyễn Minh Toàn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ nội dung phiếu chuyển tiền ngày 22/11/2018 là chưa giải quyết toàn diện vụ án.

[4] Đồng thời, phiếu chuyển tiền ngày 22/11/2018 thể hiện người nhận tiền là Hồ Thị Thanh T rúc, số điện thoại của chị Trúc, hình thức nhận tiền tại điểm giao dịch, có đóng dấu đã thu tiền, tại Trung tâm Viettel huyện P. Các đương sự trình bày không rõ bà T ở đâu, làm gì, tuy nhiên từ phiếu chuyển tiền này, lẽ ra Tòa án sơ thẩm phải thu thập thông tin của bà T để xác định bà T có nhận tiền hay chưa và triệu tập bà T tham gia tố tụng.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong việc làm rõ trách nhiệm của anh Toàn, bà T trong việc chuyển và nhận số tiền trên mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại theo thủ tục chung.

[6] Do bản án bị hủy nên bị đơn không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 90/2020/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại theo thủ tục chung.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0011664 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng